

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm Trung tâm
Giáo dục-Lao động xã hội Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 480/TTr-SLĐTBXH ngày 29/02/2016 của Sở Lao động, thương binh và Xã hội; theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1409/SXD-HĐXD ngày 30/3/2016 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm Trung tâm Giáo dục-Lao động xã hội Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm Trung tâm Giáo dục-Lao động xã hội Thanh Hóa.

2. Cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

4. Địa điểm xây dựng: Trung tâm Giáo dục-Lao động xã hội Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy cho công trình, giảm thiểu đến mức thấp nhất nguy cơ và thiệt hại do cháy nổ gây ra; góp phần bảo vệ tài sản nhà nước, tính mạng của cán bộ, công chức, người lao động và các đối tượng tại Trung tâm Giáo dục-Lao động xã hội Thanh Hóa.

6. Quy mô và nội dung đầu tư:

6.1 Xây dựng hệ thống chữa cháy.

a. *Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà gồm:* trụ nước chữa cháy ngoài nhà; hộp đựng phương tiện chữa cháy kích thước (800x1000x200) mm gồm 2 lăng A và 3 cuộn vòi A; ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, van khóa D100, D80, D65; hai máy bơm chữa cháy (1 động cơ điện, 1 động cơ xăng).

b. *Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong nhà gồm:* bố trí hệ thống chữa cháy cho các hạng mục: 03 nhà ở và nhà học nghề đối tượng (Nhà D1, D2, D3), nhà hội trường, nhà làm việc; hệ thống chữa cháy trong nhà gồm các hộp họng nước chữa cháy vách tường và các phương tiện chữa cháy tại chỗ (gồm bình bột tổng hợp MFZ4, bình khí CO₂-MT3, bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy); mỗi hộp họng nước chữa cháy 01 van góc chữa cháy D50, 01 vòi vải chữa cháy D50 dài 20m, 01 lăng phun chữa cháy, ống cấp nước chữa cháy D10, ống cấp nước chữa cháy D50.

6.2. Xây dựng 01 thang thoát hiểm cho mỗi khu nhà D1, D2, D3 (nhà ở và nhà học nghề của đối tượng).

a. Giải pháp kiến trúc.

- Xây dựng thang ở vị trí đầu hồi nhà; thang có kích thước 7,2x4,2m (tính từ tim đến tim trục); quy mô 03 tầng; chiều cao tầng 1 là 3,9m (tính từ nền tầng 1 đến sàn tầng 2), chiều cao tầng 2,3 là 3,6m (tính từ sàn đến sàn); chiều cao công trình là 12,0m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,45m.

- Tường xây gạch không nung vữa XM mác 50, trát tường trong nhà vữa XM mác 50, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà vữa XM mác 75; tường lăn sơn trực tiếp.

- Nền sảnh thang lát đá granite; bậc thang được xây gạch, mặt bậc ốp đá granite tự nhiên; tay vịn, lan can cầu thang sử dụng inox.

- Cửa cầu thang dùng cửa sắt xếp, vách nhôm kính trắng dày 5mm.

b. Giải pháp kết cấu.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đá 1x2 mác 250; dầm giằng, móng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ; cọc BTCT mác 250 có tiết diện 200x200mm, chiều dài cọc 10m; chiều dài mỗi đoạn cọc 5m.

- Phần kết cấu sử dụng khung BTCT chịu lực; hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm; chiều dày bản thang BTCT dày 100mm.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.038.448.000 đồng;

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	2.323.945.000	đồng ;
- Chi phí thiết bị	272.063.000	đồng ;
- Chi phí Quản lý dự án	64.951.003	đồng ;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	151.828.201	đồng ;
- Chi phí khác	80.972.822	đồng ;
- Chi phí dự phòng	144.688.001	đồng ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Vốn cân đối ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: 2 năm (2016-2017).

10. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 1409/SXD-HĐXD ngày 30/3/2016. Việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo phải có biện pháp kỹ thuật thi công được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho công trình, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ ;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.huyTNXH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu chi tiết: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thang thoát hiểm
Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: 1285/QĐ-UBND ngày 17/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	Chi phí xây dựng	Gxd		2.323.945.000
1	Thang thoát hiểm		Dự toán chi tiết	1.613.852.000
2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy		nt	559.221.000
3	Phòng bơm		nt	150.872.000
II	Chi phí thiết bị	Gtb	Dự toán chi tiết	272.063.000
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	$2,524\% \times (Gxd + Gtb)$	64.951.003
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		151.828.201
1	Chi phí lập báo cáo KTKT		$3,600\% \times (Gxd + Gtb)$	58.098.672
2	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán			9.435.217
3	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		$0,337\% \times Gxd$	7.831.695
4	Chi phí lập HSMT thiết bị và đánh giá HSDT thiết bị		$0,287\% \times Gtb$	715.752
5	Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng		$2,628\% \times Gxd$	61.073.275
6	Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị		$0,675\% \times Gxd$	1.683.390
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times Gqlđa$	12.990.201
V	Chi phí khác	Gk		80.972.822
1	Lệ phí thẩm định Báo cáo KTKT		$TMĐT \times 0,019\%$	577.306
2	Chi phí bảo hiểm công trình		$0,2\% \times Gxd$	5.146.672
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$50\% \times TMĐT \times 0,950\%$	14.432.657
4	Chi phí kiểm toán		$TMĐT \times 1,600\%$	53.476.790
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp, thiết bị		$0,1\% \times G(xd + tb)$	2.339.396
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước		(tạm tính)	5.000.000
VI	Chi dự phòng	Gdp	$Gdpl$	144.688.001
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	$Gdpl$	$(I + II + III + IV) \times 5\%$	144.688.001
	TỔNG CỘNG:	Gtmdt	I + II + III + IV + V + VI	3.038.448.026
	LÀM TRÒN			3.038.448.000